TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGÂN SƠN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2022/HS-ST
Ngày 15/9/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Văn Sín;

Bà Trần Thị Huế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sinh Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Thượng - Kiểm sát viên.

- Cán bộ, chiến sỹ thuộc điểm cầu thành phần: Ông Đinh Thiện Bóng, Cán bộ thuộc Nhà tạm giữ Công an huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn và điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2022/TLST-HS, ngày 23 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HS, ngày 01 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Bàn Hý H; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 21 tháng 4 năm 1990 tại huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bàn Văn C và bà Lý Thị Đ (đều đã chết); Bị cáo có vợ là Đinh Thị H, sinh năm 1991 (đã ly hôn) và Đặng Mùi K, sinh năm 1995 (đã ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017);

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 17/11/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử về tội "*Trộm cắp tài sản*", áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, xử phạt 06 tháng tù (Bản án số 337/2016/HSST), chấp hành xong bản án ngày 07/7/2017 (hiện đã được xóa án tích); Ngày 28/12/2021 bị Uỷ ban nhân dân xã T ra

Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 206-QĐ/UBND, chấp hành xong ngày 28/3/2022.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/7/2022 (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

Ông Sầm Đức Tùng - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn (có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Bà Triệu Thị T, sinh năm 1972; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Nơi đăng ký HKTT: Thôn K, xã T, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Ông Trương Văn T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt không có lý do).

+ Anh Triệu Công K, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt không có lý do).

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt không có lý do).

+ Ông Hứa Minh T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khu A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bàn Hý H, sinh năm 1990, trú tại thôn K, xã T, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn do trước đó biết được bà Triệu Thị T, sinh năm 1972, trú cùng thôn (là chị dâu của H) có 01 bộ trang sức của người dân tộc Dao cất ở hòm gỗ trong nhà bà T nên ngày 14/4/2021, H đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của nhà bà T. Vào khoảng 14 giờ ngày 14/4/2021, H một mình đi bộ từ nhà H sang nhà bà Triệu Thị T, trước khi đi H cầm theo 01 chiếc tuốc nơ vít của gia đình mang theo. Khi đến nhà bà T, H thấy cửa chính đã khóa, không có ai ở nhà nên H đi vòng ra đằng sau nhà, đến khu vực khoảng trống giáp ranh giữa nhà bà Triệu Thị T và nhà ông Bàn Xuân C, sinh năm 1979, trú cùng thôn (là anh trai của H), tại đây H thấy để nhiều đồ đạc và có nhiều bao ngô được đặt trên các tấm ván gỗ và dựng sát với vách tường bằng gỗ của nhà bà T, H dùng tay trái bám vào vách tường nhà bà T, tay phải bám vào vách tường nhà anh C, hai chân bước lên các tấm ván gỗ rồi trèo lên phía trên các bao ngô, sau đó, H tiếp tục dùng tay bám vào phía trên đầu các tấm ván gỗ vách tường của nhà bà T, chân phải giẫm lên đầu xà nhô ra khỏi cột nhà bà T và trèo qua ô thoáng (phía trên vách tường nhà bà T, phía dưới mái nhà có ô thoáng rộng, không bưng ván) rồi đi vào gác làm bằng các tấm ván gỗ của nhà bà T. Khi đứng trên gác, H thấy có 01 chiếc hòm gỗ đang treo trên xà nhà, cách mặt sàn gác 0,21 mét, H ngồi xổm, dùng tay phải cầm chiếc tuốc nơ vít

mang theo chọc, cậy vào bản lề phía trên của chiếc khóa hòm và mở được hòm, H lục lọi trong hòm thì thấy có nhiều quần áo và thấy có 07 chiếc vòng đeo cổ bằng kim loại màu trắng bạc (loại kiềng hở) có các kích thước khác nhau, nặng khoảng hơn 01 kg và nhận ra đây chính là các vòng đeo cổ trong bộ trang sức dân tộc Dao của chị T mà H đã thấy trước đó. H cầm lấy 07 chiếc vòng đeo cổ ra khỏi hòm, đóng hòm lại và đi theo đường cũ ra khỏi nhà bà T. Sau đó H cầm theo 07 chiếc vòng trên đi đến bãi đất cách nhà bà T 138 mét và cất giấu dưới lớp cây cỏ, rồi H quay về nhà cất tuốc nơ vít, lấy quần áo, túi và ra chỗ vừa cất giấu lấy 07 chiếc vòng cho vào túi rồi đi bộ ra hướng thôn B, xã T, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Trên đường đi H gọi điện thoại cho Trương Văn T, sinh năm 1982, trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn nhờ T dùng xe mô tô vào đón và đưa H ra xã A, huyện Ngân Sơn, tại đây, H và T đi đến Cửa hàng Vàng bạc XY tại Khu A, xã B và cửa hàng cầm đồ của anh Hứa Minh T, sinh năm 1982 tại Khu C, xã B để bán bạc nhưng không có ai mua. Sau đó H cùng T đến nhà Triệu Công K, sinh năm 1993, trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn thì cầm cố được 07 chiếc vòng đeo cổ với Khởi được số tiền 1.000.000 đồng. Sau khi có được tiền, Huy nhờ T đưa ra trung tâm xã để bắt xe khách đi Hà Nội và đưa cho T số tiền 200.000 đồng để trả công cho T đã chở H đi lại.

Sáng ngày 15/4/2021, H xuống đến thành phố Hà Nội và đi tìm nơi bán bạc. Khoảng 03 ngày sau, tại khu vực bến xe khách Mỹ Đình, H gặp và nói chuyện với một người đàn ông lái xe taxi tên T1 (không biết họ, tên đệm, địa chỉ) thì Tuyến nói biết nơi bán bạc. T1 đồng ý chở H lên Bắc Kạn để lấy bạc. Đến nhà của K, H mượn của T số tiền 1.100.000 đồng để chuộc lại 07 chiếc vòng đeo cổ đã cầm cố với Khởi. Sau đó, H cùng T1 đi xe do T1 điều khiển xuống thành phố Hà Nội. T1 đưa H đến một cửa hàng vàng bạc (H không nhớ tên cửa hàng, không biết địa chỉ) và H đã bán 07 chiếc vòng đeo cổ trộm cắp được cho cửa hàng này được số tiền 9.120.000 đồng. Sau khi có được tiền, H trả cho T1 số tiền 3.700.000 đồng (gồm 2.600.000 đồng là tiền taxi và tiền ăn uống và 1.100.000 đồng là tiền trước đó H vay T1 để lấy lại số vòng bạc với K). Sau đó H đã sử dụng, tiêu xài cá nhân hết số tiền còn lại.

Ngày 08/8/2021, bà Triệu Thị T phát hiện bị mất 07 chiếc vòng đeo cổ trong bộ trang sức của người dân tộc Dao mà bà đã được bố mẹ chồng (bố mẹ đẻ của H) trao lại từ năm 1996, có tổng khối lượng là 1,4 kg. Sau đó bà T đã làm đơn trình báo đến cơ quan chức năng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân Sơn đã truy tìm 07 chiếc vòng đeo cổ bị H lấy trộm và đem đi tiêu thụ nhưng không có kết quả. Cơ quan điều tra đã tiến hành giám định đối với số trang sức còn lại của bộ trang sức của người dân tộc Dao của bà T gồm: 03 vòng đeo cổ tay bằng kim loại màu trắng bạc, 02 chùm kim loại màu trắng bạc, 20 cúc kim loại màu trắng bạc hình tròn, 20 cúc gắn áo bằng kim loại màu trắng bạc hình tam giác, 08 miếng kim loại màu trắng bạc hình vuông mỗi miếng gắn hai chuông kim loại màu trắng bạc, 02 khuyên tai kim loại màu trắng bạc hình tròn và 127 miếng kim loại màu trắng bạc hình tròn.

Tại Kết luận giám định số 7462/C09-P4 ngày 04/11/2021 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

- 03 vòng đeo cổ tay bằng kim loại màu trắng bạc có hoa văn gửi giám định có tổng khối lượng 168,57 gam là hợp kim của bạc (Ag) và đồng (Cu). Hàm lượng trung bình của Ag: 54,84%, Cu: 45,16%;

- 01 chùm kim loại màu trắng bạc gồm nhiều miếng kim loại có hình dạng khác nhau nối với nhau gửi giám định có tổng khối lượng: 128,68 gam gồm:

+ 01 đồng xu có hình hoa văn, 01 đồng xu có chữ "20 CENT" và hai quả cầu là hợp kim của bạc và đồng. Hàm lượng trung bình của Ag: 87,28%, Cu: 12,72%;

+ Các thành phần còn lại gồm: 02 thanh kim loại hình cá, 01 nhíp, 01 thanh kim loại dạng dấu hỏi, 01 thanh kim loại hình thanh kiếm, 01 thanh kim loại hình thanh đao, 02 quả cầu, 02 thanh kim loại khác và phần dây xích đều là hợp kim của bạc, đồng, kẽm (Zn). Hàm lượng trung bình của Ag: 64,19%, Cu: 34,03%, Zn: 1,78%.

- 01 chùm kim loại màu trắng bạc gồm nhiều miếng kim loại có hình dạng khác nhau nối với nhau gửi giám định có tổng khối lượng 110,52 gam gồm:

+ Phần dây xích và đồng xu có chữ "10 CENT" là hợp kim của bạc và đồng. Hàm lượng trung bình của Ag: 90,01%, Cu: 9,99%.

+ Các phần còn lại gồm: Đồng xu có chữ "20 CENT", 04 quả cầu, 01 thanh kim loại hình cá, 01 nhíp, 01 thanh kim loại dạng dấu hỏi và 05 thanh kim loại khác đều là hợp kim của bạc, đồng và kẽm. Hàm lượng trung bình của Ag: 66,27%, Cu: 32,49%, Zn: 1,24%.

- 20 miếng kim loại màu trắng bạc được chế tác dạng hình tròn to có hoa văn gửi giám định có tổng khối lượng 177,73 gam là hợp kim của bạc và đồng. Hàm lượng trung bình của Ag: 84,18%, Cu: 15,82%.

- 20 miếng kim loại màu trắng bạc được chế tác dạng hình tam giác gửi giám định có tổng khối lượng 34,11 gam gồm:

+ 06 miếng kim loại là hợp kim của bạc, đồng. Hàm lượng trung bình của Ag: 80,15%, Cu: 19,85%

+ 08 miếng kim loại là hợp kim của bạc, đồng, kẽm. Hàm lượng trung bình của Ag: 72,45%, Cu: 25,55%, Zn: 2,00%.

+ 05 miếng kim loại là hợp kim của bạc, đồng, kẽm. Hàm lượng trung bình của Ag: 60,44%, Cu: 36,29%, Zn: 3,27%

+ 01 miếng kim loại là hợp kim của đồng, niken (Ni), kẽm. Hàm lượng trung bình của Cu: 71,46%, Ni: 17,79%, Zn: 10,75%.

- 08 miếng kim loại màu trắng bạc được chế tác dạng hình vuông, mỗi miếng được gắn 02 chuông kim loại màu trắng bạc hình cầu gửi giám định có tổng khối lượng 63,98 gam gồm:

+ Phần kim loại hình dạng vuông là bạc, hàm lượng trung bình của Ag: 91,69%, ngoài ra còn có đồng, hàm lượng trung bình Cu: 8,31%

+ Phần chuông kim loại dạng hình cầu là hợp kim của bạc, đồng, kẽm. Hàm lượng trung bình của Ag: 71,22%, Cu: 26,95%, Zn: 1,83%

- 02 khuyên tai bằng kim loại màu trắng bạc được chế tác dạng hình nón gửi giám định có tổng khối lượng 16,03 gam gồm:

+ Phần khuyên kim loại hình nón là hợp kim của bạc và đồng. Hàm lượng trung bình của Ag: 62,84%, Cu: 37,16%

+ Phần móc khóa kim loại là bạc, hàm lượng trung bình của Ag: 94,88%, ngoài ra còn đồng, hàm lượng trung bình Cu: 5,12%

- 127 miếng kim loại màu trắng bạc được chế tác dạng hình tròn nhỏ có hoa văn gửi giám định có tổng khối lượng 111,35 gam gồm:

+ 39 miếng kim loại là hợp kim của bạc và đồng. Hàm lượng trung bình của Ag: 86,94%, Cu: 13,06%.

+ 14 miếng kim loại là hợp kim của bạc và đồng. Hàm lượng trung bình của Ag: 74,60%, Cu: 25,40%

+ 34 miếng kim loại là hợp kim của bạc và đồng. Hàm lượng trung bình của Ag: 65,04%, Cu: 34,96%

+ 33 miếng kim loại là hợp kim của bạc và đồng. Hàm lượng trung bình của Ag: 50,16%, Cu: 49,84%

+ 05 miếng kim loại là hợp kim của đồng và niken. Hàm lượng trung bình của Cu: 75,19%, Ni: 24,81%

+ 01 miếng kim loại là hợp kim của đồng và kẽm. Hàm lượng trung bình của Cu: 86,45%, Zn: 13,55%

+ 01 miếng kim loại là niken. Hàm lượng của Ni: 98,36%, ngoài ra còn có đồng, hàm lượng của Cu: 1,64%. BL 95,96.

Tại Kết luận định giá tài sản số 20 ngày 29/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn kết luận: 07 vòng đeo cổ trong bộ trang sức dân tộc Dao có trọng lượng 1,4 kg có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc là 36.500.000 đồng; Số trang sức còn lại trong bộ trang sức dân tộc Dao (gồm 03 vòng đeo cổ tay bằng kim loại màu trắng bạc, 02 chùm kim loại màu trắng bạc, 20 cúc kim loại màu trắng bạc hình tròn, 20 cúc gắn áo bằng kim loại màu trắng bạc hình tam giác, 08 miếng kim loại màu trắng bạc hình vuông mỗi miếng gắn hai chuông kim loại màu trắng bạc, 02 khuyên tai kim loại màu trắng bạc hình tròn, 127 miếng kim loại màu trắng bạc hình tròn đã qua giám định) có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc là 9.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, qua đấu tranh, H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, nhận dạng tài sản, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 25/CT-VKSNS, ngày 23/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Bàn Hý H về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị tuyên bố bị cáo Bàn Hý H phạm tội: *"Trộm cắp tài sản".* Quyết định hình phạt và xử lý các vấn đề liên quan theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát đề nghị tại phần luận tội như sau:

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị xử phạt bị cáo từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù (thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo 06/7/2022). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy 01 chiếc tuốc nơ vít, dài 28,3cm, đã qua sử dụng, thân làm bằng kim loại màu bạc dài 19cm, đường kính 0,6cm có đầu 4 cạnh, cán làm bằng nhựa cứng hình ngũ giác màu vàng đỏ dài 9,3cm.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 584, 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Triệu Thị T số tiền 36.500.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo có bản bào chữa nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội để áp dụng hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị Hội đồng xử phạt bị cáo mức mức án từ 15 tháng tù đến 21 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn toàn bộ án phí cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị xem xét buộc bị cáo bồi thường cho bị cáo số tiền 36.500.000 đồng như ý kiến của bị cáo và bị hại tại phiên toàn. Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, bản bào chữa của người bào chữa; Bị cáo không có ý kiến tranh luận,

bào chữa hay khiếu nại gì. Bị hại không có ý kiến tranh luận hay khiếu nại gì. Lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 14 giờ ngày 14/4/2021, tại nhà bà Triệu Thị T, sinh năm 1972 thuộc thôn K, xã T, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, Bàn Hý H, sinh năm 1990, trú tại thôn K, xã T, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn đã có hành vi một mình lén lút trộm cắp 07 chiếc vòng đeo cổ (loại kiềng hở) là trang sức của người dân tộc Dao của bà Triệu Thị T trị giá 36.500.000 đồng, sau đó đem bán được số tiền 9.120.000 đồng. Số tiền có được H đã tiêu xài cá nhân hết.

Xét hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân sơn ra quyết định khởi tố vụ án, tiến hành điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn quyết định truy tố bị cáo Bàn Hý H trước Tòa án để xét xử về tội: *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định của pháp luật, đúng với diễn biến khách quan của vụ án, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Điều luật có nội dung:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…;

…;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng."

Hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ, các vấn đề khác và Điều luật mà kiểm sát viên, người bào chữa đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nhân thân bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử về tội trộm cắp tài sản, tuy đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội.

3.1. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

3.2. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ đó là *"Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"* theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về hình phạt:

4.1. Về hình phạt chính: Xét tính chất, mức độ, tính nguy hiểm cho xã hội về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo phải chịu hình phạt tù tại trại giam một thời gian nhất định, qua đó mới đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung.

4.2. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, qua xem xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, thu nhập không ổn định nên không xem xét áp dụng đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Bị hại bà Triệu Thị T yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bà số tiền 36.500.000 đồng tương ứng với giá trị số tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt, xét yêu cầu của bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật do vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền này.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Đối với 07 chiếc vòng đeo cổ là tài sản H trộm cắp đã đem đi tiêu thụ, quá trình điều tra không thu giữ lại được.

Đối với số trang sức còn lại trong bộ trang sức của chị Triệu Thị T cơ quan điều tra đã tạm giữ để phục vụ giám định, sau khi giám định xong đã trả lại toàn bộ cho chị T. Việc xử lý như vậy là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01 chiếc tuốc nơ vít, dài 28,3cm, đã qua sử dụng, thân làm bằng kim loại màu bạc dài 19cm, đường kính 0,6cm có đầu 4 cạnh; cán làm bằng nhựa cứng hình ngũ giác màu vàng đỏ dài 9,3cm xét không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí

Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí do vậy cần miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

[8] Về các vấn đề khác liên quan

Đối với Trương Văn T là người đi cùng H để H tiêu thụ tài sản trộm cắp, quá trình điều tra xác định T không biết tài sản H đem đi tiêu thụ là do trộm cắp mà có nên không đủ căn cứ xử lý đối với hành vi của T.

Đối với Triệu Công K là người đã cầm cố tài sản mà H trộm cắp được, quá trình điều tra xác định K không biết tài sản H cầm cố là tài sản trộm cắp nên không đủ căn cứ xử lý đối với hành vi của K.

Đối với người đàn ông tên T1 là người H1 khai đã đưa H1 đi tiêu thụ tài sản trộm cắp, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Đối với bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1968, trú tại Khu A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn (chủ Cửa hàng Vàng bạc XY) và anh Hứa Minh T là những người H đã đem 07 chiếc vòng đeo cổ đến bán, tuy nhiên, họ không biết số tài sản đó là do trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối những người này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 47, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo **Bàn Hý H** phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Về hình phạt

2.1. Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo 20 (hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo 06/7/2022.

2.2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại bà Triệu Thị T, sinh năm 1972, địa chỉ thôn K, xã T, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn số tiền là 36.500.000 đồng (ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Việc thi hành án đối với khoản tiền này được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc tuốc nơ vít, dài 28,3cm, đã qua sử dụng, thân tuốc nơ vít làm bằng kim loại màu bạc dài 19cm, đường kính 0,6cm có đầu tuốc nơ vít 4 cạnh; Cán làm bằng nhựa cứng hình ngũ giác màu vàng đỏ dài 9,3cm

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/8/2022 giữa Công an huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

5. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Ngân Sơn;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện (khi án có hiệu lực);
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo, bị hại, người bào chữa;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Công